

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LIÊN CHIÊU- TP ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/KDTM-ST

Ngày 14 tháng 9 năm 2024

Về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán;*

Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIÊU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Nguyễn Thi Thi**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Công Chi**

Ông **Nguyễn Văn Cơ**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị Thuỳ Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa: Bà **Dương Thị Phương Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 29/2024/TLST- KDTM ngày 11/6/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán; Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐST-KDTM ngày 12/8/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2024/QĐST-KDTM ngày 28/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty TNHH MTV V** Trụ sở: **Lô C, KĐT Green City, P, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế** Đại diện theo pháp luật: Bà **Tống Thị Phước T** - Chức vụ: Giám đốc;

Đại diện theo uỷ quyền: Ông **Đỗ Minh T1**, sinh năm 1971 – Trưởng phòng pháp chế (Theo VBUQ số 05/UQ-NP ngày 14/8/2024). Có mặt.

- Bị đơn: **Công ty TNHH MTV C1** Địa chỉ: **A T, phường H, quận L, TP Đà Nẵng.** Đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm C** - Chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông **Đào Minh T2** trình bày tại phiên tòa:

Vào ngày 01/11/năm 2022 giữa **Công ty TNHH MTV V** và **Công ty TNHH MTV C1** có trụ sở tại **A T, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng**; Giấy đăng ký kinh doanh số 0401301082; Số tài khoản: 0901005268066 tại **Ngân hàng TMCP A- Chi nhánh Đ** do Ông **Phạm C**, số điện thoại 0944619952, chức vụ Giám đốc làm đại diện, ký kết hợp đồng kinh tế số 23/2022/HĐKT/CLT-NP về việc mua bán sản phẩm gạch xây dựng.

Theo quy định tại điểm 1 Khoản 4.1 Điều 4, Hợp đồng kinh tế số 23/2022/HĐKT/CLT-NP: “ Vào ngày 28 hàng tháng dựa trên phiếu giao nhận hàng hoá từng đợt đã có chữ ký của cán bộ kỹ thuật hai bên. Bên B xuất hoá đơn GTGT và lập đối chiếu công nợ gửi bên A, Bên A sẽ thanh toán 100% giá trị tiền hàng của từng đợt đối chiếu công nợ cho bên B trong vòng 5 ngày kể từ ngày xuất hoá đơn”. Tuy nhiên **Công ty TNHH MTV C1** đã không thực hiện theo điều khoản thanh toán nêu trên gây thiệt hại cho **Công ty TNHH MTV V** mặc dù đơn vị chúng tôi đã gửi nhiều văn bản đề nghị thanh toán công nợ quá hạn, cụ thể:

Văn bản cam kết trả nợ số 17/CLT ngày 3/4/2023 cam kết đến ngày 30/4/2023 sẽ thanh toán cho **Công ty TNHH MTV V**, nhưng không thực hiện.

Gần đây nhất sau buổi họp các bên ngày 25/1/2024 tại Toà án nhân dân Quận Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng (theo thông báo số 54/TB-TA ngày 5/1/2024 của TAND quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng) **Công ty TNHH MTV C1** có văn bản cam kết trả nợ số 25/CLT nhưng cho đến nay tiếp tục trì hoãn không thực hiện trả nợ theo cam kết.

Việc **Công ty TNHH MTV C1** không thanh toán theo hợp đồng, liên tục cam kết và trì hoãn không trả nợ theo cam kết làm phát sinh tăng chi phí, hao phí thời gian, gây thiệt hại cho **Công ty TNHH MTV V**.

Nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm nghiêm trọng, tôi đề nghị Toà án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng buộc **Công ty TNHH MTV C1** thanh toán cho **Công ty TNHH MTV V** số tiền: 199.975.000 đồng và lãi suất phát sinh từ 01/12/2023 theo văn bản cam kết số 25/CLT ngày 25/1/2024 được tính cụ thể như sau:

Lãi suất phát sinh tính từ thời điểm theo cam kết từ 01/12/2023 đến 14/9/2024: (Tính theo lãi suất quá hạn **Ngân hàng V1** 5,4%/năm) số tiền 199.975,000 đồng x 5,4% năm* 288 ngày = 8.520.579 đồng.

Tổng gốc và lãi phát sinh là: 199.975.000 đồng + 8.520.579 đồng = 208.495.579 đồng

Vậy tổng số tiền **Công ty TNHH MTV C1** phải thanh toán cho **Công ty TNHH MTV V** tính đến ngày 14/9/2024 là 208.495.579 đồng (Hai trăm lẻ tám triệu bốn trăm chín mươi lăm ngàn năm trăm bảy mươi chín đồng).

Đối với bị đơn **Công ty TNHH MTV C1**, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, bị đơn là **Công ty TNHH MTV C1** đều vắng mặt tại các phiên hòa giải, cũng như vắng mặt tại phiên Tòa hai lần mà không có lý do. Vì vậy, **Công ty TNHH MTV C1** không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 BLTTDS; Việc thụ lý, thời hạn giải quyết và việc tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng được thực hiện đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 195, 196, 203 BLTTDS năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay người đại diện của nguyên đơn có mặt và trình bày quan điểm của mình là thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 234 BLTTDS. Bị đơn vắng mặt là chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70, 73, 234 BLTTDS.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Công ty TNHH MTV V** đối với **Công ty TNHH MTV C1**. Buộc **Công ty TNHH MTV C1** phải trả cho **Công ty TNHH MTV V** số tiền 199.975.000 đồng tiền gốc.

Đối với lãi suất chậm thanh toán, theo mức lãi suất trung bình của 03 Ngân hàng **Ngân hàng N** là 19,13%/năm, **Ngân hàng TMCP C2** 16,5%/năm và **Ngân hàng TMCP N1** (13,5%/năm), mức lãi suất trung bình của 03 Ngân hàng nói trên là 16,4%/năm. Tuy nhiên

tại phiên toà nguyên đơn tự nguyện yêu cầu mức lãi suất áp dụng tính theo lãi suất quá hạn Ngân hàng V1 5,4%/năm tạm tính đến ngày 14/9/2024 là 8.520.579 đồng là thấp hơn mức lãi suất trung bình của 03 Ngân hàng nói trên là 16,4%/năm. Do đó đề nghị HĐXX chấp nhận.

Tổng số tiền Công ty TNHH MTV C1 phải trả cho Công ty TNHH MTV V tạm tính đến ngày 14/9/2024 là 208.495.579 đồng (Hai trăm lẻ tám triệu bốn trăm chín mươi lăm ngàn năm trăm bảy mươi chín đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Căn cứ nội dung khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV V yêu cầu Công ty TNHH MTV C1 trả nợ theo Hợp đồng kinh tế về việc mua bán hàng hóa đã ký kết, các bên đều có đăng ký kinh doanh nên HĐXX xác định đây là tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự; Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV C1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Đà Nẵng thì Công ty có trụ sở tại quận L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự vắng mặt theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp:

Công ty TNHH MTV V và Công ty TNHH MTV C1 ký kết Hợp đồng kinh tế số 23/2022/HĐKT/CLT-NP ngày 01/11/2022 về việc mua bán sản phẩm gạch xây dựng. Công ty TNHH MTV V đã cung cấp đầy đủ số lượng hàng hoá theo Hợp đồng cho Công ty TNHH MTV C1 (có bảng xác nhận khối lượng hoàn thành ngày 29/3/2023) với tổng giá trị 190.000.000 đồng, có Biên bản đối chiếu công nợ ngày 29/3/2023.

Vào ngày 25/01/2024, Công ty TNHH MTV C1 đã có văn bản số 25/CLT cam kết sẽ thanh toán cho Công ty TNHH MTV V số tiền 199.975.000 đồng đã bao gồm lãi theo phân kỳ trả nợ thành 03 đợt, đợt cuối không được chậm hơn ngày 30/6/2024, nếu không thực hiện sẽ chịu thêm lãi suất quá hạn kể từ ngày 01/12/2023 trở đi.

Do đó, Công ty TNHH MTV V khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH MTV C1 phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV V toàn bộ một lần tổng số tiền tính đến ngày 14/9/2024 là 208.495.579 đồng (Hai trăm lẻ tám triệu bốn trăm chín mươi lăm ngàn năm trăm bảy mươi chín đồng), trong đó: Khoản nợ đến hạn là: 199.975.000 đồng; Lãi chậm thanh toán tính theo mức lãi suất bằng mức lãi suất quá hạn của Ngân hàng V1 là 5,4%/năm (tạm tính đến ngày 14/9/2024): 8.520.579 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV V đối với Công ty TNHH MTV C1 về việc yêu cầu thanh toán theo Hợp đồng kinh tế số 23/2022/HĐKT/CLT-NP ngày 01/11/2022, thì thấy:

Hợp đồng kinh tế số 23/2022/HĐKT/CLT-NP ngày 01/11/2022 được Công ty TNHH MTV V và Công ty TNHH MTV C1 ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật. Do đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng kinh tế đã ký kết. Căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp như Biên bản đối chiếu công nợ; bảng xác nhận khối lượng hoàn thành ngày 29/3/2023; các văn bản đề nghị thanh toán của Công ty V; văn bản số 25/CLT cam kết sẽ thanh toán của Công ty C1; đơn khởi kiện và trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, đủ cơ sở xác định Công ty TNHH MTV C1 đã vi phạm về nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng. HĐXX xét thấy việc Công ty C1 không thanh toán tiền cho Công ty V đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty V, do đó căn cứ hợp đồng kinh tế và theo quy định tại Điều 50 Luật Thương mại, việc Công ty TNHH MTV V yêu cầu Công ty TNHH MTV C1 thanh toán số nợ còn lại 199.975.000 đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi của Công ty TNHH MTV V: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Công ty V yêu cầu Công ty C1 chịu lãi chậm thanh toán trên số tiền chậm trả với mức lãi suất bằng mức lãi suất quá hạn của Ngân hàng V1 là 5,4%/năm. HĐXX xét thấy: Do Công ty C1 chậm trả tiền sau khi phía Công ty V đã hoàn tất công việc theo Hợp đồng, ký biên bản đối chiếu nợ với khách hàng, vì vậy Công ty V có quyền áp dụng lãi suất phạt quá hạn trên lãi suất cho vay của Ngân hàng thương mại tại thời điểm chốt công nợ. Theo thông báo về lãi suất của theo mức lãi suất trung bình của 03 Ngân hàng Ngân hàng N là 19,13%/năm, Ngân hàng TMCP C2 16,5%/năm và Ngân hàng TMCP N1 13,5%/năm), mức lãi suất trung bình của 03 Ngân hàng nói trên là 16,4%/năm. Vậy, mức lãi suất của Công ty V yêu cầu là 5,4% là thấp hơn mức lãi suất trung bình của 03 Ngân hàng, tuy nhiên xét yêu cầu này là tự nguyện nên HĐXX chấp nhận.

Lãi suất phát sinh tính từ thời điểm theo cam kết từ 01/12/2023 đến 14/9/2024: (Tính theo lãi suất quá hạn **Ngân hàng V1** 5,4%/năm) số tiền 199.975,000 đồng x 5,4% năm x 288 ngày = 8.520.579 đồng.

Tổng gốc và lãi phát sinh là: 199.975.000 đồng + 8.520.579 đồng = 208.495.579 đồng

Vậy tổng số tiền **Công ty TNHH MTV C1** phải thanh toán cho **Công ty TNHH MTV V** tính đến ngày 14/9/2024 là 208.495.579 đồng (Hai trăm lẻ tám triệu bốn trăm chín mươi lăm ngàn năm trăm bảy mươi chín đồng).

[2.3] Án phí Kinh doanh thương mại:

- **Công ty TNHH MTV C1** phải chịu là: 10.424.779 đồng (Mười triệu bốn trăm hai mươi bốn ngàn bảy trăm bảy mươi chín đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 50; Điều 306 Luật Thương mại;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Công ty TNHH MTV V** đối với **Công ty TNHH MTV C1**.

Xử:

1. Buộc **Công ty TNHH MTV C1** có nghĩa vụ trả cho **Công ty TNHH MTV V** số tiền 208.495.579 đồng (Hai trăm lẻ tám triệu bốn trăm chín mươi lăm ngàn năm trăm bảy mươi chín đồng), trong đó: Khoản nợ đến hạn là: 199.975.000 đồng; Lãi chậm thanh toán (tạm tính đến ngày 14/9/2024): 8.520.579 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH MTV C1 phải chịu là: 10.424.779 đồng (Mười triệu bốn trăm hai mươi bốn ngàn bảy trăm bảy mươi chín đồng).

Hoàn trả cho **Công ty TNHH MTV V** số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 5.168.104 đồng (*Năm triệu một trăm sáu mươi tám ngàn một trăm lẻ tư đồng*) theo

biên lai thu số 0000629 ngày 12 tháng 06 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND q. Liên Chiểu;
- Chi cục THA q. Liên Chiểu;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Nguyễn Thi Thi